TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST Ngày: 04 - 9 - 2020. V/v Tranh chấp ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Diệu Hiền.

2. Ông Nguyễn Văn Hai.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Phấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ly Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 tháng 8 năm 2020 và ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2020/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2020 về "*Tranh chấp ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị H - sinh năm: 1994.

Địa chỉ: số 193B, khóm T, phường Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh N - sinh năm: 1987.

Địa chỉ: số 413, khóm T, phường Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là chị Htrình bày*:**

- Về hôn nhân: Chị H và anh N tìm hiểu khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân và chung sống vợ chồng vào năm 2016, không có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/8/2018 tại UBND phường Tân Quy Đông, thành phố Sa Đéc. Sau khi kết hôn chị H về sống chung bên nhà cha mẹ của anh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc; khoảng 02 tháng trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn do anh N sống không có trách nhiệm với gia đình. Ngoài ra, chị H còn phát hiện anh N có chơi ma túy đá, chị H cũng đã trình báo công an phường Tân Quy Đông, thành phố Sa Đéc, nhưng công an chưa xử lý. Từ tháng 5/2020, thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn không thể hàn gắn, chị H không thể tiếp tục chung sống với anh N nên chị yêu cầu ly hôn anh N.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống, có 01 con chung tên U - sinh ngày: 06/12/2018 (*hiện đang sống với chị H*). Khi ly hôn, chị H yêu cầu được quyền nuôi con chung. Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn là anh N vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến*:** Mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật nhưng anh N không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập cho anh N nhiều lần nhưng anh N vẫn không đến Tòa án để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và không tham gia phiên tòa theo quy định.

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa*:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn là anh Bùi Trung N không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát thống nhất với trình tự thủ tục tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn là anh Bùi Trung N.

- Về Hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

- Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao cháu U- sinh ngày: 06/12/2018 (*hiện đang sống với chị H*) cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng

con chung sau ly hôn; do chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh N có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do chị H xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh N là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Quá trình tham gia tố tụng: Bị đơn là anh N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị H và anh N chung sống vợ chồng từ năm 2016, trên cơ sở tự nguyện, không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn vào ngày 03/8/2018 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Quy Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị H và anh N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh N sống không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm chăm sóc con chung, bỏ bê gia đình; thời gian gần đây anh N còn sử dụng ma túy đá, chị H đã nhiều lần khuyên can nhưng anh N không nghe. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cự cãi, tình cảm ngày càng bị tổn thương, rạn nứt, không thể hàn gắn. Từ tháng 5/2020, chị H và anh N sống ly thân cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án; anh N không có văn bản trình bày ý kiến cũng không có thiện chí đến Tòa để hòa giải hàn gắn tình cảm với chị Hà, cho thấy anh N đã từ bỏ quyền lợi của mình.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"*1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo*

lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được…".

Tại phiên tòa, chị H xác định không còn tình cảm với anh N, cuộc sống hôn nhân với anh N không có hạnh phúc; chị H không thể tiếp tục chung sống với anh N. Trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì chị H cũng cương quyết không trở về sống chung với anh N. Chị H thiết tha yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh N.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hà và anh N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có sự thương yêu, quan tâm lẫn nhau. Giữa chị H và anh N cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nếu chị H và anh N đoàn tụ tiếp tục chung sống vợ chồng thì cũng không có hạnh phúc. Do đó, xét thấy việc chị H yêu cầu được ly hôn anh N là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên U- sinh ngày: 06/12/2018 (*hiện đang sống với chị H*). Khi ly hôn, chị Hà có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung; chị Hà không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện cháu U đang có cuộc sống ổn định với chị Hà, được chị H và những người thân trong gia đình của chị H quan tâm, giúp đỡ, tạo mọi điều kiện thuận lợi trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và dành nhiều tình thương cho cháu. Đồng thời, cháu U còn quá nhỏ, rất cần có sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, để đảm bảo cho cháu U có cuộc sống ổn định và phát triển tốt về tâm sinh lý; Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu U cho chị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh N được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, ...*

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Hà không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do chị H xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Cho chị H ly hôn anh N.

2. Về nuôi con chung: Chị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên U - sinh ngày: 06/12/2018 (*hiện đang sống với chị Hà*). Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Anh Bùi Trung N có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị H nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị H đã nộp ngày 11/6/2020 theo biên lai thu số: 0001139 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND phường Tân Quy Đông, TP Sa Đéc, ĐT**;**
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

(Đã ký)

Trần Quốc Danh